

Bản án: 61/2018/HS-ST

Ngày: 07 - 11 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bình

Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa:

Ông Vy Quý Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Q tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2018/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn Đ (tên gọi khác: Siêu nhân) sinh ngày 06 tháng 5 năm 1999. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống hiện tại: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh N; nghề nghiệp: Nhân viên quán Karaoke; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê C, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1977; chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: nghiện ma túy; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Hải C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ là nhân viên phục vụ tại quán Karaoke H. Vào khoảng 13 giờ 15 phút ngày 13/06/2018, khi làm việc phục vụ tại quán Karaoke H, Lê Văn Đ mượn xe của khách đến hát karaoke để đi đến nhà bà M tại hẻm 581 Quang Trung, thành phố Q để mua ma túy đá về sử dụng. Lê Văn Đ cầm 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) điều khiển xe đến nhà bà M. Khi đến nhà bà M, Đ để xe bên ngoài đi bộ vào bên hông nhà, đến cửa sổ và gọi: “*Cô Me ơi bán cho cháu cái đồ*”, đồng thời đưa tiền qua cửa sổ nhà, trong nhà có một người phụ nữ nhận tiền và đưa qua cửa sổ cho Đ 01 (một) túi nylon màu trắng bên trong có chứa những hạt tinh thể màu trắng mà Đ

khai nhận là ma túy đá và trả tiền thừa cho Đ 100.000đ (một trăm ngàn đồng). Đ cất túi ma túy và tiền vào túi quần đi về quán Karaoke H thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an tỉnh N bắt quả tang đưa về trụ sở Công an phường M tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Lê Văn Đ. Tang vật thu giữ khi bắt quả tang gồm: 01 (một) túi nylon màu trắng có chứa ma túy đá (đã được niêm phong), tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 100.000đ (một trăm ngàn đồng).

Ngày 13/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ số 102/CSĐT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh N giám Đ chất ma túy và khối lượng ma túy thu giữ của Lê Văn Đ.

Ngày 15/6/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh N có kết luận số: 547/KLGD-PC54, kết luận: Chất rắn, dạng tinh thể, màu trắng bên trong bì thư gửi đi giám Đ có khối lượng là 0,31 gam; có *Methamphetamine*, hàm lượng *Methamphetamine* là 34%. Do đó, khối lượng *Methamphetamine* tinh chất có trong 0,31 gam mẫu gửi giám Đ là 0,105 gam. *Methamphetamine* là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị Đ 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Đối với người phụ nữ mà Đ khai đã bán ma túy cho Đ tại nhà bà M tại hẻm 581 đường Q, thành phố Q do đã nhiều lần triệu tập chủ nhà là bà Nguyễn Thị L nhưng bà L không đến làm việc và cũng không xác Đ được ai là người đã bán ma túy cho Đ nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên T do không xác định được nhân thân lai lịch nên không đủ căn cứ để xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 túi nilong màu trắng bên trong có chứa ma túy. Trong quá trình giám định đã sử dụng hết mẫu ma túy gửi giám định.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 100.000 VNĐ (một trăm ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 66/CT – VKS ngày 11 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khai nhận khi làm việc phục vụ tại quán Karaoke H bị cáo mượn xe của khách đến hát karaoke để đi đến nhà bà M tại hẻm 581 đường Q, thành phố Q để mua ma túy đá về sử dụng. Bị cáo đưa tiền 500.000 đồng qua cửa sổ nhà, trong nhà có một người phụ nữ nhận tiền và đưa qua cửa sổ cho bị cáo 01 (một)

túi nylon màu trắng bên trong có chứa những hạt tinh thể màu trắng bị cáo khai nhận là ma túy đá và trả tiền thừa cho bị cáo 100.000đ (một trăm ngàn đồng). Bị cáo cất túi ma túy và tiền vào túi quần đi về quán Karaoke H thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an tỉnh N bắt quả tang thu giữ 01 (một) túi ma túy đá (Methamphetamine với tổng trọng lượng ma túy (Methamphetamine) tinh chất là 0,105 gam nên đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy Đ tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Hiện nay tệ nạn hút, chích ma túy đang là gánh nặng cho nhiều gia đình và xã hội. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện, để thỏa mãn cơn nghiện bị cáo mua ma túy về để sử dụng. Loại ma túy mà bị cáo sử dụng là Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị Đ 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì nghiện ma túy, bị cáo vẫn cố ý phạm tội, bất chấp pháp luật và hậu quả gây ra cho xã hội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q giữ nguyên quyết Đ truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2] Để áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả của bị cáo gây ra nhưng cũng thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, Hội đồng xét xử khi quyết Đ hình phạt cho bị cáo đều phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân: Bị cáo nghiện ma túy, chưa có tiền án, tiền sự.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đề nghị mức hình phạt như trên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Đối với người phụ nữ bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo tại nhà bà M tại hẻm 581đường Q, thành phố Q, cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được ai là người đã bán ma túy cho Đ nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau là phù hợp.

[4] Đối với đối tượng tên T do không xác định được nhân thân lai lịch nên không đủ căn cứ để xử lý.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp ngân sách số tiền 100.000 đồng thu giữ trong người của bị cáo lúc bắt quả tang, bị cáo khai đây là số tiền còn dư lại sau khi bị cáo mua ma túy. (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 26/9/2018 vào tài khoản số 3949.0.9043031 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q và Kho bạc Nhà nước tỉnh N). Về tang vật của vụ án là 01 túi nilong màu trắng bên trong có chứa ma túy. Trong quá trình giám định, Cơ quan giám định đã sử dụng hết mẫu ma túy gửi giám định.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào:** Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- **Xử phạt:** Lê Văn Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 đồng (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 26/9/2018 vào tài khoản số 3949.0.9043031 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q và Kho bạc Nhà nước tỉnh N).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND TP.Qi;
- CQ.CSĐT Công an TP.Qi;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Cơ quan THAHS CATP.Q;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ CATP.Q;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc